

Long An, ngày 31 tháng 8 năm 2017

QUY ĐỊNH

Nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020
(Ban hành kèm theo Quyết định số 48 /2017/QĐ-UBND ngày 31 /8/2017 của UBND tỉnh Long An)

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020 là căn cứ để lập kế hoạch đầu tư trung hạn và hằng năm nguồn ngân sách nhà nước thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020 của các đơn vị sử dụng vốn ngân sách nhà nước. Đồng thời, là căn cứ để quản lý, giám sát, thanh tra, kiểm tra việc thực hiện kế hoạch đầu tư trung hạn và hằng năm Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020 trên địa bàn tỉnh Long An.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các sở, ngành tỉnh, cơ quan thuộc UBND tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị sử dụng kinh phí Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020 (dưới đây gọi tắt là các sở, ngành tỉnh và địa phương).

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến lập kế hoạch đầu tư trung hạn và hằng năm nguồn ngân sách nhà nước thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững trong giai đoạn 2016 - 2020.

Điều 3. Nguyên tắc phân bổ vốn ngân sách trung ương thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020

1. Việc phân bổ vốn đầu tư phát triển và kinh phí sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020 phải tuân thủ các quy định của Luật đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản pháp luật có liên quan.

2. Bảo đảm quản lý tập trung, thống nhất về mục tiêu, cơ chế, chính sách; thực hiện phân cấp trong quản lý đầu tư theo quy định của pháp luật, tạo quyền chủ động cho các sở, ngành tỉnh và các cấp chính quyền địa phương.

3. Việc phân bổ vốn đầu tư phát triển và kinh phí sự nghiệp nguồn ngân

sách nhà nước nhằm thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020.

4. Ưu tiên bố trí vốn cho các xã vùng biên giới, bãi ngang ven biển, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, góp phần thu hẹp dần khoảng cách về trình độ phát triển, thu nhập và mức sống của dân cư giữa các vùng trong tỉnh.

5. Bảo đảm công khai, minh bạch trong việc phân bổ vốn kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020, góp phần đẩy mạnh cải cách hành chính và tăng cường công tác phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

Chương II NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Tiêu chí phân bổ vốn

Tiêu chí phân bổ vốn đầu tư phát triển và kinh phí sự nghiệp cho các huyện, thị xã, thành phố gồm 03 nhóm sau đây:

1. Tiêu chí xã biên giới.
2. Tiêu chí tỷ lệ hộ nghèo và quy mô hộ nghèo.
3. Tiêu chí về tỷ lệ dân tộc thiểu số.

Điều 5. Xác định hệ số của từng tiêu chí theo từng Dự án

1. Chương trình hỗ trợ cho các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển

a) Tiểu dự án 1. Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển

- Phạm vi và đối tượng hỗ trợ: Các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Định mức phân bổ:

+ Về vốn đầu tư phát triển: Định mức phân bổ hoạt động hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển: Vốn ngân sách Trung ương 01 tỷ đồng/xã/năm (trong quá trình thực hiện, tùy thuộc vào khả năng cân đối ngân sách Trung ương, tăng hoặc giảm định mức phân bổ vốn đầu tư cơ sở hạ tầng các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo cho phù hợp với khả năng cân đối vốn). Vốn ngân sách địa phương đối ứng tối thiểu 15%.

+ Về kinh phí sự nghiệp duy tu bảo dưỡng: Bằng 6,3% tổng vốn hỗ trợ đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng/xã/năm.

b) Tiểu dự án 2. Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển (kinh phí sự nghiệp).

- Phạm vi hỗ trợ: Các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Đối tượng:
 - + Người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, ưu tiên hộ nghèo dân tộc thiểu số và phụ nữ thuộc hộ nghèo;
 - + Nhóm hộ, cộng đồng dân cư trên địa bàn;
 - + Tổ chức và cá nhân có liên quan;
 - + Tạo điều kiện để người lao động là đối tượng sau cai nghiện ma túy, đối tượng nhiễm HIV/AIDS, phụ nữ bị buôn bán trở về... thuộc hộ nghèo được tham gia dự án.

- Định mức phân bổ: Định mức phân bổ hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất và nhân rộng mô hình cho xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển: 0,3 tỷ đồng/xã/năm.

2. Chương trình 135

a) Các tiêu chí cụ thể

- Tiêu chí về xã (xã biên giới);
- Tiêu chí về tỷ lệ hộ nghèo;
- Tiêu chí về tỷ lệ dân tộc thiểu số.

b) Cách tính hệ số các tiêu chí

- Tiêu chí về xã:

Đối với xã	Hệ số (H1)
Cứ mỗi xã biên giới được tính	10

Xã biên giới theo Quyết định của cấp có thẩm quyền phê duyệt, loại trừ xã đã đạt chuẩn nông thôn mới.

- Tiêu chí về tỷ lệ hộ nghèo:

Tỷ lệ hộ nghèo của huyện	Hệ số (H2)
Thấp hơn tỷ lệ chung của tỉnh	0
Từ bằng cho đến 1,5 lần tỷ lệ chung của tỉnh	0,02
Từ trên 1,5 lần đến 2 lần tỷ lệ chung của tỉnh	0,03
Từ trên 2 lần đến 2,5 lần tỷ lệ chung của tỉnh	0,04
Cao hơn 2,5 lần tỷ lệ chung của tỉnh	0,05

Tỷ lệ hộ nghèo của huyện để tính toán hệ số được xác định căn cứ vào số liệu công bố điều tra hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2017 theo chuẩn nghèo tiếp

cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016 - 2020 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Tiêu chí về tỷ lệ người dân tộc thiểu số:

Tỷ lệ dân tộc thiểu số	Hệ số (H3)
Dưới 2%	0,03
Từ 2% đến 5%	0,04
Trên 5%	0,05

c) Phương pháp tính mức vốn được phân bổ

Căn cứ vào các tiêu chí trên để tính ra số Hệ số của từng huyện, thị xã; tổng Hệ số của các huyện, thị xã thực hiện Chương trình 135 sử dụng ngân sách Trung ương làm căn cứ phân bổ vốn như sau:

- Phương pháp tính:

Tổng hệ số các nội dung của 1 huyện, thị xã, thành phố (Y)

$$Y = H1 \times (1+H2+H3).$$

Tổng Hệ số của Chương trình (N)

$N =$ Tổng Hệ số của các huyện, thị xã, thành phố cộng lại.

Tổng mức vốn được phân bổ của Chương trình (M)

$M =$ Tổng vốn đầu tư phát triển + Tổng kinh phí sự nghiệp.

- Xác định mức phân bổ vốn:

Mức vốn bình quân phân bổ cho 01 Hệ số (K)

$$K = M : N$$

- Số vốn phân bổ cho từng huyện, thị xã, thành phố (X):

$$X = K \times Y$$

3. Dự án 3. Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế, nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn các xã ngoài Chương trình 135 và Chương trình hỗ trợ cho các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển (kinh phí sự nghiệp)

a) Phạm vi hỗ trợ: Các xã ngoài Chương trình 135 và Chương trình hỗ trợ cho các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển.

b) Đối tượng hỗ trợ:

- Người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, ưu tiên hộ nghèo dân tộc thiểu số và phụ nữ thuộc hộ nghèo;

- Nhóm hộ, cộng đồng dân cư;

- Tổ chức và cá nhân có liên quan;

- Tạo điều kiện để người lao động là đối tượng sau cai nghiện ma túy, đối tượng nhiễm HIV/AIDS, phụ nữ bị buôn bán trở về... thuộc hộ nghèo được tham gia dự án.

c) Tiêu chí cụ thể:

- Tỷ lệ hộ nghèo

+ Huyện, thị xã, thành phố có tỷ lệ hộ nghèo dưới 3%: Hệ số 0,5;

+ Huyện, thị xã, thành phố có tỷ lệ hộ nghèo từ 3% đến dưới 5%: Hệ số 0,55;

+ Huyện, thị xã, thành phố có tỷ lệ hộ nghèo từ 5% trở lên: Hệ số 0,6.

- Quy mô hộ nghèo

+ Huyện, thị xã, thành phố có quy mô hộ nghèo dưới 700 hộ: Hệ số 0,5;

+ Huyện, thị xã, thành phố có quy mô hộ nghèo từ 700 hộ đến dưới 1.200 hộ: Hệ số 0,6;

+ Huyện, thị xã, thành phố có quy mô hộ nghèo từ 1.200 hộ trở lên: Hệ số 0,7.

Tỷ lệ hộ nghèo và quy mô hộ nghèo của tỉnh để tính toán hệ số được xác định căn cứ vào số liệu công bố điều tra hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2017 theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016 - 2020 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

d) Định mức phân bổ:

Tổng vốn bố trí một huyện, thị xã, thành phố = A x N x X

Trong đó:

A: Định mức bình quân cho một xã (triệu đồng)

N: Số xã ngoài Chương trình 135 trên địa bàn các huyện, thị xã, thành phố.

X: Tổng các hệ số theo 02 tiêu chí (hệ số theo tỷ lệ hộ nghèo + hệ số theo quy mô hộ nghèo).

4. Dự án 4. Truyền thông và giảm nghèo về thông tin (kinh phí sự nghiệp)

a) Phạm vi hỗ trợ: Các sở, ngành tỉnh và địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020, ưu tiên vùng đặc biệt khó khăn, biên giới, bãi ngang ven biển

b) Đối tượng hỗ trợ:

- Người dân, cộng đồng dân cư;

- Các tổ chức và cá nhân có liên quan.

c) Tiêu chí cụ thể:

(1) Hoạt động truyền thông về giảm nghèo:

- Tỷ lệ hộ nghèo

+ Huyện, thị xã, thành phố có tỷ lệ hộ nghèo dưới 3%: Hệ số 0,5;

+ Huyện, thị xã, thành phố có tỷ lệ hộ nghèo từ 3% đến dưới 5%: Hệ số 0,55;

+ Huyện, thị xã, thành phố có tỷ lệ hộ nghèo từ 5% trở lên: Hệ số 0,6.

- Quy mô hộ nghèo
- + Huyện, thị xã, thành phố có quy mô hộ nghèo dưới 700 hộ: Hệ số 0,5;
- + Huyện, thị xã, thành phố có quy mô hộ nghèo từ 700 hộ đến dưới 1.200 hộ: Hệ số 0,6;
- + Huyện, thị xã, thành phố có quy mô hộ nghèo từ 1.200 hộ trở lên: Hệ số 0,7.

Tỷ lệ hộ nghèo và quy mô hộ nghèo của tỉnh để tính toán hệ số được xác định căn cứ vào số liệu công bố điều tra hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2016 theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016 - 2020 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

(2) Hoạt động giảm nghèo về thông tin:

- Tỷ lệ hộ nghèo
- + Huyện, thị xã, thành phố có tỷ lệ hộ nghèo dưới 3%: Hệ số 0,5;
- + Huyện, thị xã, thành phố có tỷ lệ hộ nghèo từ 3% đến dưới 5%: Hệ số 0,55;
- + Huyện, thị xã, thành phố có tỷ lệ hộ nghèo từ 5% trở lên: Hệ số 0,6.
- Quy mô hộ nghèo
- + Huyện, thị xã, thành phố có quy mô hộ nghèo dưới 700 hộ: Hệ số 0,5;
- + Huyện, thị xã, thành phố có quy mô hộ nghèo từ 700 hộ đến dưới 1.200 hộ: Hệ số 0,6;
- + Huyện, thị xã, thành phố có quy mô hộ nghèo từ 1.200 hộ trở lên: Hệ số 0,7.

Tỷ lệ hộ nghèo và quy mô hộ nghèo của tỉnh để tính toán hệ số được xác định căn cứ vào số liệu công bố điều tra hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2017 theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016 - 2020 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

d) Định mức phân bổ:

(1) Hoạt động truyền thông về giảm nghèo:

Tổng vốn bố trí cho một huyện, thị xã, thành phố = (A+Bxtổng số xã)xX

Trong đó:

A: Định mức bình quân cho một huyện, thị xã, thành phố (triệu đồng).

B: Định mức bình quân cho một xã (triệu đồng).

X: Tổng các hệ số theo 02 tiêu chí (hệ số theo tỷ lệ hộ nghèo + hệ số theo quy mô hộ nghèo).

(2) Giảm nghèo về thông tin:

Tổng vốn bố trí cho một huyện, thị xã, thành phố = (A+Bxtổng số xã)xX

Trong đó:

A: Định mức bình quân cho một huyện, thị xã, thành phố (triệu đồng).

B: Định mức bình quân cho một xã (triệu đồng).

X: Tổng các hệ số theo hai tiêu chí (hệ số theo tỷ lệ hộ nghèo + hệ số theo quy mô hộ nghèo).

5. Dự án 5. Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình (kinh phí sự nghiệp)

a) Phạm vi hỗ trợ: Các sở, ngành tỉnh, địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020, ưu tiên vùng đặc biệt khó khăn, biên giới, bãi ngang ven biển.

b) Đối tượng hỗ trợ:

- Đối với hoạt động nâng cao năng lực: Cán bộ làm công tác giảm nghèo các cấp (cán bộ ấp, đại diện cộng đồng, lãnh đạo tổ nhóm, cán bộ chi hội đoàn thể, cộng tác viên giảm nghèo, người có uy tín), ưu tiên nâng cao năng lực cho cán bộ nữ;

- Đối với công tác giám sát đánh giá: Cơ quan chủ trì Chương trình các cấp, các cơ quan chủ trì các dự án thành phần/nội dung trong các dự án thành phần các cấp và các cán bộ được phân công phụ trách và tổ chức thực hiện công tác giám sát, đánh giá;

- Các tổ chức và cá nhân có liên quan.

c) Tiêu chí phân bổ: Bố trí kinh phí cho các huyện chưa tự cân đối được ngân sách trên địa bàn, ưu tiên các huyện có tỷ lệ cân đối ngân sách dưới 50% và tỷ lệ nghèo trên 8%;

- Tỷ lệ hộ nghèo

+ Huyện, thị xã, thành phố có tỷ lệ hộ nghèo dưới 3%: Hệ số 0,5;

+ Huyện, thị xã, thành phố có tỷ lệ hộ nghèo từ 3% đến dưới 5%: Hệ số 0,55;

+ Huyện, thị xã, thành phố có tỷ lệ hộ nghèo từ 5% trở lên: Hệ số 0,6.

- Quy mô hộ nghèo

+ Huyện, thị xã, thành phố có quy mô hộ nghèo dưới 700 hộ: Hệ số 0,5;

+ Huyện, thị xã, thành phố có quy mô hộ nghèo từ 700 hộ đến dưới 1.200 hộ: Hệ số 0,6;

+ Huyện, thị xã, thành phố có quy mô hộ nghèo từ 1.200 hộ trở lên: Hệ số 0,7.

Tỷ lệ hộ nghèo và quy mô hộ nghèo của huyện để tính toán hệ số được xác định căn cứ vào số liệu công bố điều tra hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2017 theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016 - 2020 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

d) Định mức phân bổ:

Tổng vốn bố trí cho một huyện, thị xã, thành phố = (A+B x tổng số xã) x X.

Trong đó:

A: Định mức bình quân cho một huyện, thị xã, thành phố (triệu đồng).

B: Định mức bình quân cho một xã (triệu đồng).

X: Tổng các hệ số theo 02 tiêu chí (hệ số theo tỷ lệ hộ nghèo + hệ số theo quy mô hộ nghèo).

Điều 6. Tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020

1. Ngoài nguồn vốn hỗ trợ trực tiếp từ ngân sách Trung ương, căn cứ vào tình hình thực tế, khả năng cân đối ngân sách, các huyện, thị xã bố trí vốn từ ngân sách huyện, thị xã hỗ trợ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững theo mục tiêu kế hoạch hàng năm và 5 năm đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, trong đó, ưu tiên vốn bố trí thêm nguồn vốn cho các xã nghèo được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Quy định tỷ lệ đối ứng từ ngân sách huyện, thị xã:

Các huyện, thị xã cân đối ngân sách đối ứng hàng năm tối thiểu từ 15% tổng ngân sách trung ương hỗ trợ thực hiện Chương trình.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 7. Trách nhiệm của Sở Kế hoạch và Đầu tư

1. Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và chủ chương trình mục tiêu quốc gia và địa phương đề xuất phương án cân đối, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt vốn đầu tư phát triển và vốn sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước trung hạn và hằng năm trong giai đoạn 2016 - 2020 cho Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững.

2. Chủ trì, tổng hợp phương án phân bổ vốn đầu tư phát triển và vốn sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước trung hạn và hằng năm trong giai đoạn 2016 - 2020 để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững của các Sở, ngành tỉnh và các huyện, thị xã theo đúng nguyên tắc, tiêu chí và định mức quy định tại Quyết định này, gửi Sở Tài chính tổng hợp chung vào Kế hoạch tài chính 5 năm và dự toán ngân sách nhà nước hàng năm, trình cấp có thẩm quyền quyết định.

Điều 8. Trách nhiệm của Sở Tài chính

1. Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư đề xuất phương án phân bổ nguồn ngân sách nhà nước trung hạn và hằng năm trong giai đoạn 2016 - 2020 cho Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững.

2. Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư phân bổ vốn đầu tư phát triển và vốn sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước do Trung ương hỗ trợ trong trung hạn và hằng năm giai đoạn 2016 - 2020 để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững của các Sở, ngành tỉnh và địa phương theo đúng nguyên tắc, tiêu chí và định mức quy định tại Quyết định này.

Điều 9. Trách nhiệm của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

1. Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính và các huyện, thị xã xây dựng phương án phân bổ kế hoạch vốn đầu tư phát triển và kinh phí sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước do Trung ương hỗ trợ trong trung hạn và hằng năm thực hiện các dự án thành phần thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020 do Sở Lao động - Thương binh và Xã hội quản lý cho các Sở, ngành tỉnh và các huyện, thị xã theo đúng nguyên tắc, tiêu chí và định mức quy định tại Quyết định này.

2. Chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh và các cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán về tính chính xác các thông tin, số liệu và mức vốn phân bổ cho các dự án thành phần thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020 do Sở Lao động - Thương binh và Xã hội quản lý.

Điều 10. Trách nhiệm của Văn phòng UBND tỉnh

1. Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và các huyện, thị xã xây dựng phương án phân bổ kế hoạch vốn đầu tư phát triển và kinh phí sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước do Trung ương hỗ trợ trong trung hạn và hằng năm thực hiện dự án thành phần thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020 do Văn phòng UBND tỉnh quản lý cho các sở, ngành tỉnh và các huyện, thị xã theo đúng nguyên tắc, tiêu chí và định mức quy định tại Quyết định này.

2. Chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh và các cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán về tính chính xác các thông tin, số liệu và mức vốn phân bổ cho dự án thành phần thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020 do Văn phòng UBND tỉnh quản lý.

Điều 11. Trách nhiệm của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

1. Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và các địa phương xây dựng phương án phân bổ kế hoạch kinh phí sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước do Trung ương hỗ trợ trong trung hạn và hằng năm thực hiện các dự án thành phần thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020 do Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý cho các sở, ngành tỉnh và các huyện, thị xã theo đúng nguyên tắc, tiêu chí và định mức quy định tại Quyết định này.

2. Chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh và các cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán về tính chính xác các thông tin, số liệu và mức vốn phân bổ cho các dự án thành phần thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020 do Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý.

Điều 12. Trách nhiệm của Sở Thông tin và Truyền thông

1. Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và các địa phương xây dựng phương án phân bổ kế hoạch vốn đầu tư phát triển và kinh phí sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước do Trung ương hỗ trợ trong trung hạn và hằng năm thực hiện dự án thành phần thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020 do Sở Thông tin và Truyền thông quản lý cho các sở, ngành tỉnh và các huyện, thị xã theo đúng nguyên tắc, tiêu chí và định mức quy định tại Quyết định này.

2. Chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh và các cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán về tính chính xác các thông tin, số liệu và mức vốn phân bổ cho dự án thành phần thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020 do Sở Thông tin và Truyền thông quản lý.

Điều 13. Trách nhiệm của các Sở, ngành, cơ quan, tổ chức liên quan

1. Cung cấp cho Sở Kế hoạch và Đầu tư thông tin, số liệu thuộc ngành, lĩnh vực phụ trách phục vụ cho việc xây dựng các nguyên tắc, tiêu chí phân bổ vốn ngân sách nhà nước thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020.

2. Chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh và các cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán về tính chính xác các thông tin, số liệu và mức vốn phân bổ cho các hoạt động trong các dự án thành phần thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020 liên quan đến lĩnh vực do sở, ngành, cơ quan, tổ chức quản lý.

Điều 14. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

1. Căn cứ quyết định phân bổ vốn ngân sách nhà nước của tỉnh và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách huyện, thị xã, thành phố tổ chức triển khai cho các chủ đầu tư thực hiện dự án, đảm bảo đầu tư có trọng tâm, trọng điểm, đạt hiệu quả, hạn chế tình trạng đầu tư phân tán, dàn trải.

2. Lập kế hoạch vốn đầu tư phát triển và kinh phí sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước do Trung ương hỗ trợ trong trung hạn và hằng năm thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững trong giai đoạn 2016 - 2020 theo đúng các nguyên tắc, tiêu chí và định mức quy định tại Quyết định này. Đồng thời, cân đối ngân sách huyện, thị xã, thành phố để đối ứng với ngân sách Trung ương hỗ trợ theo quy định này.

3. Chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh và các cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán về tính chính xác các thông tin, số liệu và mức vốn phân bổ cho các dự án theo quy định.

Điều 15. Trách nhiệm của UBND các xã

1. Triển khai thực hiện các công trình thuộc dự án cơ sở hạ tầng chương trình 135, chương trình hỗ trợ cho các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển theo đúng quy định của Luật Đầu tư công và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

2. Triển khai thực hiện các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế, nhân rộng mô hình giảm nghèo đúng quy định.

3. Chịu trách nhiệm trước UBND cấp huyện, UBND tỉnh và các cơ quan thanh tra, kiểm toán về tính chính xác các thông tin, số liệu và hiệu quả đầu tư của các dự án./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**